



Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 Ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 28 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Quốc Thành	Chủ tịch (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)
	Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Tạo	Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
	Ông Takahashi Yukio	Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
	Ông Nguyễn Bón	Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
	Ông Trần Thắng	Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quốc Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
	Ông Trần Thắng	Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)
	Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
	Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Bón	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Bà Ngô Thị Minh Nguyệt Bà Đặng Thị Hoa Bà Đào Thị Chinh Bà Đặng Thị Hoa Ông Hồ Văn Toại Bà Phạm Thị Kim Anh	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016) Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016) Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016) Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016) Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016) Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	Số 2, Nguyễn Công Trứ Thành phố Huế Tỉnh Thừa Thiên Huế Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 7 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản dự phòng đầu tư tài chính

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên và Công ty kiểm toán đã nêu ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.404.093.232 VND. Trong năm 2016, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên mà ghi nhận toàn bộ các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 7.404.093.232 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty làm cho chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế” trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh thiếu 7.404.093.232 VND và chỉ tiêu “Chi phí tài chính” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh thừa là 7.404.093.232 VND.

Thu nhập cổ tức từ công ty liên doanh

Trong Báo cáo tài chính năm 2015, Công ty đã thực hiện ghi nhận thu nhập từ cổ tức được chia từ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế - một công ty liên doanh với số tiền là 3.400.000.000 VND. Dựa trên biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế ngày 11 tháng 1 năm 2016, thu nhập từ được chia cổ tức phải được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 3.400.000.000 VND. Vấn đề này dẫn đến các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”, “Doanh thu hoạt động tài chính” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế” trên Bảng cân đối kế toán riêng và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị phản ánh thừa số tiền tương ứng là 3.400.000.000 VND.

Năm 2016, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên làm cho chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị phản ánh thiếu số tiền là 3.400.000.000 VND.

Phân loại lại chi phí hoạt động khách sạn

Kể từ quý 2 năm 2016, Công ty đã thực hiện ghi nhận chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh khách sạn với số tiền 5.163.168.578 VND vào chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Chi phí này cần được ghi nhận vào chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” dựa trên bản chất chi phí đã phát sinh cũng như thống nhất với cách phân loại chi phí của năm trước và quý 1 năm 2016. Vấn đề này dẫn đến các chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng lần lượt bị phản ánh thiếu và thừa với số tiền là 5.163.168.578 VND và làm cho số liệu về “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp”, “Lợi nhuận gộp” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 không có tính so sánh với năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoại trừ ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý rằng, Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng trình bày những điều chỉnh của Công ty về số liệu so sánh nhằm điều chỉnh một số sai sót kế toán. Theo đó, một số thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được điều chỉnh lại.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm những điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 31, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 4 năm 2016 của công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ cho các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ".

Như một phần của công việc kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán những điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 31 trong báo cáo tài chính riêng được áp dụng để điều chỉnh lại các thông tin so sánh. Chúng tôi không được chỉ định kiểm toán, soát xét hay thực hiện thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến, kết luận hay sự đảm bảo nào về báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh hồi tố này đã được áp dụng đúng đắn và phù hợp.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-499



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		195.878.838.319	46.648.599.702
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	137.388.676.839	28.695.296.386
Tiền	111		136.385.010.172	4.760.282.513
Các khoản tương đương tiền	112		1.003.666.667	23.935.013.873
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.929.695.227	16.231.799.225
Phải thu khách hàng	131	6	1.592.478.232	4.196.512.400
Trả trước cho người bán	132		30.000.000	571.807.180
Khoản cho vay phải thu	135	7	46.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.070.595.703	12.180.589.683
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(763.378.708)	(717.110.038)
Hàng tồn kho	140	10	560.466.253	930.297.375
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	791.206.716
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	791.206.716
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		164.265.797.677	200.845.647.171
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.948.817.680	29.258.567.127
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.948.817.680	29.258.567.127
Tài sản cố định	220		34.381.389.589	43.632.621.613
Tài sản cố định hữu hình	221	11	33.354.684.676	42.599.871.618
Nguyên giá	222		79.089.376.628	94.080.465.724
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.734.691.952)	(51.480.594.106)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.026.704.913	1.032.749.995
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281.633.087)	(275.588.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.332.381.063	2.107.820.972
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.332.381.063	2.107.820.972
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	108.321.551.556	108.433.055.622
Đầu tư vào các công ty con	251		28.275.211.488	20.232.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		91.957.055.622	91.957.055.622
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.910.715.554)	(6.756.000.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn khác	260		14.281.657.789	17.413.581.837
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14.281.657.789	17.413.581.837
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		360.144.635.996	247.494.246.873
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		138.331.582.462	11.675.144.365
Nợ ngắn hạn	310		138.331.582.462	11.675.144.365
Phải trả người bán	311	16	1.383.892.622	2.466.655.256
Người mua trả tiền trước	312		86.946.760	93.346.720
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	224.376.476	1.096.936.117
Phải trả người lao động	314		2.163.956.918	3.284.321.346
Phải trả khác	319	18	134.472.409.686	4.733.884.926
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		221.813.053.534	235.819.102.508
Vốn chủ sở hữu	410	19	221.813.053.534	235.819.102.508
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	47.223.517.700	47.223.517.700
Lỗi lũy kế	421		(25.410.464.166)	(11.404.415.192)
- (Lỗi)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.404.415.192)	2.808.508.289
- Lỗi năm nay	421b		(14.006.048.974)	(14.212.923.481)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		360.144.635.996	247.494.246.873

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	46.097.541.493	63.260.864.137
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	34.079.669.139	60.792.912.848
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		12.017.872.354	2.467.951.289
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	13.004.362.149	9.883.806.519
Chi phí tài chính	22	25	12.908.028.953	2.328.026.932
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		519.679.101	-
Chi phí bán hàng	25		947.178.811	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.634.170.806	22.316.868.136
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 25 - 26)	30		(12.467.144.067)	(12.293.137.260)
Thu nhập khác	31		504.629.806	1.488.440.779
Chi phí khác	32		2.043.534.713	3.408.227.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.538.904.907)	(1.919.786.221)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(14.006.048.974)	(14.212.923.481)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(14.006.048.974)	(14.212.923.481)

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Quốc Thành
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(14.006.048.974)	(14.212.923.481)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	4.311.800.385	5.282.999.747
Các khoản dự phòng	03	8.200.984.224	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(89.693.305)	4.580.883
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.183.144.249)	1.202.903.670
Chi phí lãi vay	06	519.679.101	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(13.246.422.818)	(7.722.439.181)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	24.250.360.189	(1.627.677.882)
Biến động hàng tồn kho	10	104.155.155	12.142.871
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(30.120.443.077)	(5.561.035.811)
Biến động chi phí trả trước	12	3.043.968.813	8.458.189.001
		(15.968.381.738)	(6.440.821.002)
Tiền lãi vay đã trả	14	(519.679.101)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(647.726.753)	(521.693.479)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	1.433.727.880
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(17.135.787.592)	(5.528.786.601)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.757.125.316)	(183.269.634)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		313.074.567	-
Tiền chi cho vay	23		(51.000.000.000)	-
Tiền thu hồi khoản cho vay	24		5.000.000.000	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	4	(1.064.076.154)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	9.280.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		15.824.042.122	1.117.096.330
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(32.684.084.781)	10.213.826.696
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		6.800.000.000	-
Tiền thu để chi hộ từ công ty mẹ	33		158.423.559.521	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.800.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		158.423.559.521	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		108.603.687.148	4.685.040.095
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		28.695.296.386	24.014.618.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		89.693.305	(4.361.980)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	137.388.676.839	28.695.296.386

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân (“UBND”) tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 214 nhân viên (1/1/2016: 307 nhân viên).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 15 năm
▪ thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(iii) Phí cải tạo tài sản

Phí cải tạo tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm kế toán.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện góp vốn vào công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang, một công ty con, thông qua việc bàn giao tài sản góp vốn của hai đơn vị phụ thuộc của Công ty là Trung tâm Dịch vụ Du lịch Hương Giang và Đội xe Du lịch Hương Giang theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 3 năm 2016 và biên bản bàn giao ngày 7 tháng 4 năm 2016. Theo đó, tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã tăng hoặc giảm tại ngày góp vốn như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm góp vốn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.064.076.154
Phải thu khách hàng	1.334.851.308
Phải thu ngắn hạn khác	71.000.000
Hàng tồn kho	265.675.968
Tài sản cố định hữu hình – thuần	5.427.397.702
Chi phí trả trước dài hạn	879.161.950
Nợ phải trả ngắn hạn	(998.951.594)
	<hr/>
Tài sản thuần góp vốn có thể xác định được	8.043.211.488
	<hr/>
Tiền thuần chi ra để góp vốn	(1.064.076.154)
	<hr/>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	108.981.982	773.274.724
Tiền gửi ngân hàng	136.276.028.190	3.987.007.789
Các khoản tương đương tiền	1.003.666.667	23.935.013.873
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	137.388.676.839	28.695.296.386

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	3.400.000	-
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	1.337.400	562.890.050
Các khách hàng khác	870.630.794	2.916.512.312
	1.592.478.232	4.196.512.400

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - nhà đầu tư	3.400.000	-
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	1.337.400	562.890.050
	4.737.400	562.890.050

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Khoản cho vay phải thu

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – nhà đầu tư	46.000.000.000	-

Khoản cho vay ngắn hạn phải thu từ nhà đầu tư không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 9% và sẽ đáo hạn trong tháng 2 và tháng 12 năm 2017, trừ khi được hoàn trả sớm hơn.

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Cổ tức phải thu	6.050.352.585	8.959.725.863
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	1.895.128.210	-
Tạm ứng	1.110.000.000	996.752.900
Dự án Trung tâm Văn Hóa Huyện Trần	-	750.000.000
Phải thu từ công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	486.959.339	445.563.818
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-
Phải thu từ chi hộ công ty Du lịch Cổ đô	229.000.000	-
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	220.639.373
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	281.178.432	121.498.093
Phải thu từ bảo hiểm xã hội	-	41.109.612
Phải thu khác	498.440.426	645.300.024
	11.070.595.703	12.180.589.683

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	-	24.309.749.447
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (**)	4.948.817.680	4.948.817.680
	4.948.817.680	29.258.567.127

(*) Khoản phải thu này liên quan đến các hạng mục công trình thuộc khu Văn hóa Huyện Trần được Công ty đầu tư theo chủ trương xã hội hóa của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, theo Công văn số 4732/UBND-TH ngày 25/08/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đây là công trình đặc thù về văn hóa tâm linh và nhạy cảm về an ninh tôn giáo nên UBND tỉnh đã chủ trương không tiếp tục xã hội hóa các công trình này, yêu cầu Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang thanh quyết toán các hạng mục công trình đang đầu tư để chuyển nhượng cho Tỉnh theo nguyên tắc giá thị trường. Công ty đã quyết toán theo Công văn số 6824/UBND-DN ngày 04/11/2016. Giá trị quyết toán công trình với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là 26.535.137.515 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

(**) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiển Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiển Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyện Trần. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyện Trần) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn từ:							
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Thuận An	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-	>1.080	717.110.038	(717.110.038)
Khác	>360	46.268.670	(46.268.670)	-	-	-	-
		<u>763.378.708</u>	<u>(763.378.708)</u>	<u>-</u>		<u>717.110.038</u>	<u>(717.110.038)</u>

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	717.110.038	717.110.038
Dự phòng lập trong năm	131.052.670	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(84.784.000)	-
Số dư cuối năm	<u>763.378.708</u>	<u>717.110.038</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	277.006.655	-	432.545.275	-
Hàng hóa	283.459.598	-	497.752.100	-
	<hr/>		<hr/>	
	560.466.253	-	930.297.375	-
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	65.240.478.278	14.585.255.280	13.553.454.158	701.278.008	94.080.465.724
Tăng trong năm	976.547.982	453.153.607	-	102.863.636	1.532.565.225
Thanh lý	(164.287.980)	(2.797.676.398)	-	-	(2.961.964.378)
Xóa sổ	(39.979.091)	(292.082.678)	-	-	(332.061.769)
Góp vốn vào một công ty con (Thuyết minh 4)	(6.700.655.713)	(784.959.136)	(5.744.013.325)	-	(13.229.628.174)
Số dư cuối năm	59.312.103.476	11.163.690.675	7.809.440.833	804.141.644	79.089.376.628
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.491.714.275	14.152.765.219	4.134.836.604	701.278.008	51.480.594.106
Khấu hao trong năm	2.787.522.783	301.788.062	1.189.772.565	26.671.893	4.305.755.303
Thanh lý	(158.762.208)	(1.767.064.547)	-	-	(1.925.826.755)
Xóa sổ	(39.979.091)	(283.621.139)	-	-	(323.600.230)
Góp vốn vào một công ty con (Thuyết minh 4)	(5.123.587.772)	(370.840.490)	(2.307.802.210)	-	(7.802.230.472)
Phân loại lại	3.155.316.319	(2.735.413.131)	(411.440.752)	(8.462.436)	-
Số dư cuối năm	33.112.224.306	9.297.613.974	2.605.366.207	719.487.465	45.734.691.952
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	32.748.764.003	432.490.061	9.418.617.554	-	42.599.871.618
Số dư cuối năm	26.199.879.170	1.866.076.701	5.204.074.626	84.654.179	33.354.684.676

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 17.251 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 11.033 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	275.588.005	275.588.005
Khấu hao trong năm	-	6.045.082	6.045.082
Số dư cuối năm	-	281.633.087	281.633.087
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	999.000.000	33.749.995	1.032.749.995
Số dư cuối năm	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.107.820.972	28.491.439.671
Tăng trong năm	224.560.091	593.785.428
Chuyển sang phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8)	-	(26.977.404.127)
Số dư cuối năm	2.332.381.063	2.107.820.972
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án khách sạn 91 Hàn Thuyên	2.160.819.654	1.960.819.654
Các dự án khác	171.561.409	147.001.318
	2.332.381.063	2.107.820.972

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016		1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty con								
• Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang (a)	100.0%	100.0%	11.643.211.488	-	100.0%	100.0%	3.600.000.000	-
• Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An (b)	91.4%	91.4%	16.632.000.000	(5.640.135.709)	91.4%	91.4%	16.632.000.000	-
			<u>28.275.211.488</u>	<u>(5.640.135.709)</u>			<u>20.232.000.000</u>	<u>-</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết								
• Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô (c)	40.0%	40.0%	6.239.210.372	(2.514.579.845)	40.0%	40.0%	6.239.210.372	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế (d)	20.0%	20.0%	1.200.000.000	(1.200.000.000)	20.0%	20.0%	1.200.000.000	(1.200.000.000)
• Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc (e)	31.3%	31.3%	940.000.000	-	31.3%	31.3%	940.000.000	-
			<u>8.379.210.372</u>	<u>(3.714.579.845)</u>			<u>8.379.210.372</u>	<u>(1.200.000.000)</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016		1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Dầu tư vào các công ty liên doanh								
▪ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế (f)	50.0%	50.0%	50.720.625.000	-	50.0%	50.0%	50.720.625.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (g)	50.0%	50.0%	2.556.000.000	(2.556.000.000)	50.0%	50.0%	2.556.000.000	(2.556.000.000)
▪ Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành (h)	49.0%	49.0%	30.301.220.250	-	49.0%	49.0%	30.301.220.250	-
			83.577.845.250	(2.556.000.000)			83.577.845.250	(2.556.000.000)
Dầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An	12.0%	12.0%	3.000.000.000	(3.000.000.000)	12.0%	12.0%	3.000.000.000	(3.000.000.000)
			123.232.267.110	(14.910.715.554)			115.189.055.622	(6.756.000.000)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300383045, ngày 16/09/2005. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay.
- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300422992, ngày 31/10/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và khách sạn.
- (c) Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300384264, ngày 04/01/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn, dịch vụ, nhà hàng và du lịch.
- (d) Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000005, ngày 22/06/2000. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thể thao và khu vui chơi giải trí.
- (e) Công ty cổ phần du lịch Thiên Phúc được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 311032000011, ngày 25/07/2007. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt.
- (f) Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100000, ngày 18/10/2004. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (g) Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và nhà hàng Việt Nhật được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2294/GP, ngày 25/12/2002. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch và khách sạn.
- (h) Công ty Công Ty TNHH Khách sạn Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300355898, ngày 29/06/2011. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Vui lòng xem Thuyết minh 28 trong báo cáo tài chính riêng về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty liên quan.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.756.000.000	6.756.000.000
Phát sinh trong năm	8.638.389.884	-
Hoàn nhập trong năm	(483.674.330)	-
Số dư cuối năm	14.910.715.554	6.756.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí cải tạo tài sản VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	6.398.467.343	4.073.103.191	2.695.301.080	4.246.710.223	17.413.581.837
Tăng trong năm	-	4.101.159.647	2.429.307.601	151.608.090	6.682.075.338
Góp vốn vào một công ty con (Thuyết minh 4)	(152.223.084)	(354.705.819)	(296.378.719)	(75.854.328)	(879.161.950)
Phân bổ trong năm	(3.047.010.584)	(2.431.341.756)	(2.172.308.378)	(1.284.176.718)	(8.934.837.436)
Số dư cuối năm	3.199.233.675	5.388.215.263	2.655.921.584	3.038.287.267	14.281.657.789

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Công ty Du lịch Hương Giang (sau này là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang). Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa dựa trên biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2006 do Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính phát hành và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

16. Phải trả người bán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Không Gian Độc Đáo	145.686.500	145.686.500	-	-
Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	76.967.766	76.967.766	183.215.169	183.215.169
Doanh nghiệp Tư nhân Thành Mai	-	-	164.177.380	164.177.380
Các nhà cung cấp khác	1.161.238.356	1.161.238.356	2.119.262.707	2.119.262.707
	1.383.892.622	1.383.892.622	2.466.655.256	2.466.655.256

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	439.005.187	7.229.715.672	(7.477.441.207)	191.279.652
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.908.399	365.931.146	(363.518.571)	9.320.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp	647.726.753	-	(647.726.753)	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.295.778	275.668.126	(255.188.054)	23.775.850
Thuế nhà đất	-	3.525.527.122	(3.525.527.122)	-
	1.096.936.117	11.396.842.066	(12.269.401.707)	224.376.476

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	131.888.422.006	-
Lãi tiền gửi phải trả các cổ đông	885.855.550	885.855.550
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
Phải trả Cục Sở hữu Trí tuệ	105.000.000	105.000.000
Nhận hỗ trợ kinh phí đền thờ Huyện Trần (Thuyết minh 7(a))	-	1.789.005.533
Bộ Ngoại giao	-	1.085.850.000
Các khoản phải trả khác	1.075.079.279	350.120.992
	<hr/>	
	134.472.409.686	4.733.884.926

- (*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Lợi nhuận/(lỗ)	Tổng
	VND	cổ phần	lũy kế	VND
		VND	VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	200.000.000.000	47.223.517.700	2.808.508.289	250.032.025.989
Lỗ thuần trong năm	-	-	(14.212.923.481)	(14.212.923.481)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	200.000.000.000	47.223.517.700	(11.404.415.192)	235.819.102.508
Lỗ thuần trong năm	-	-	(14.006.048.974)	(14.006.048.974)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	200.000.000.000	47.223.517.700	(25.410.464.166)	221.813.053.534

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	47.223.517.700	-	47.223.517.700

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	5.185.291.890	3.088.312.428
Trong vòng 2 đến năm 5	18.475.110.429	11.527.511.088
Sau 5 năm	57.016.320.939	44.076.719.480
	80.676.723.258	58.692.542.996

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.372	144.727.428	5.587	125.359.265
EUR	486	11.466.504	497	12.089.861
		156.193.932		137.449.126

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
Cho thuê phòng khách sạn và bán vé tham quan	40.727.570.085	39.127.943.886
Dịch vụ và doanh thu khác	5.369.971.408	24.132.920.251
Doanh thu thuần	46.097.541.493	63.260.864.137

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2016 VND	2015 VND
Cho thuê và bán vé tham quan	28.975.362.412	39.055.242.101
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	5.104.306.727	21.737.670.747
	34.079.669.139	60.792.912.848

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	2.524.925.425	1.117.096.330
Thu nhập từ cổ tức	10.389.743.419	8.735.710.362
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.693.305	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	30.999.827
	<hr/>	<hr/>
	13.004.362.149	9.883.806.519

25. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	8.154.715.554	-
Chi phí thuê đất cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	4.173.075.368	-
Chi phí lãi vay	519.679.101	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.558.930	3.446.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.580.883
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.320.000.000
	<hr/>	<hr/>
	12.908.028.953	2.328.026.932

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	7.263.182.287	6.378.731.801
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.047.010.584	7.099.953.554
Chi phí khấu hao	2.356.406.536	148.998.492
Thuế, phí và lệ phí	256.981.498	1.770.492.075
Chi phí nguyên liệu	4.104.884.102	2.186.685.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.195.714.393	2.668.327.869
Chi phí khác	2.409.991.406	2.063.679.157
	<hr/>	<hr/>
	23.634.170.806	22.316.868.136

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(14.006.048.974)	(14.212.923.481)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(2.801.209.795)	(3.126.843.166)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	225.203.402
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.085.283.686	2.571.462.027
Thu nhập không bị tính thuế	(2.078.349.621)	(1.921.856.280)
	(3.794.275.730)	(2.252.034.017)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.794.275.730	2.252.034.017
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	39.018.143.789	7.803.628.758	20.046.765.141	4.009.353.028

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	8.786.595.056
2020	Chưa quyết toán	11.260.170.085
2021	Chưa quyết toán	18.971.378.648
		39.018.143.789

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch lớn như sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Cổ đông		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	606.096.000	-
Mua hàng và dịch vụ	819.414.545	-
Cho vay	51.000.000.000	-
Nhận chi trả hộ	158.423.559.521	-
Thu tiền lãi vay	1.632.572.292	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	471.466.046	1.003.368.709
Mua hàng và dịch vụ	270.780.876	34.500.000
Góp vốn	8.043.211.488	2.000.000.000
Nhận tiền vay	2.800.000.000	445.563.818
Trả tiền lãi vay	60.822.935	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.988.216	-
Nhận tiền vay	4.000.000.000	-
Trả tiền lãi vay	44.868.056	-

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế		
Cổ tức được chia	1.500.000.000	3.400.000.000
Trả hộ tiền thuê đất	985.842.179	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành		
Cổ tức được chia	6.050.352.585	5.557.721.176
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương và phụ cấp	984.519.000	1.068.010.000

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	2016	2015
	VND	VND
Cần trừ các khoản phải thu và phải trả	26.535.137.515	-

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	15.998.857.177	31.909.908.749
Chi phí nhân công	18.877.454.129	17.432.923.705
Chi phí khấu hao	4.311.800.385	5.282.999.747
Phân bổ lợi thế kinh doanh	3.047.010.584	7.099.953.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.022.413.601	13.289.856.566
Chi phí khác	7.403.482.880	8.094.138.663

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Số liệu so sánh

Trong năm 2016, Công ty đã điều chỉnh lại số dư đầu năm của bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

		1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí trả trước ngắn hạn	(1)	791.206.716	-
Phải thu dài hạn khác	(2)	29.258.567.127	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(2)	2.107.820.972	29.085.225.099
Phải thu ngắn hạn khác	(2)	12.180.589.683	14.461.752.683
Chi phí trả trước dài hạn	(1)	17.413.581.837	18.204.788.553

- (1) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán liên quan đến việc ghi nhận một số chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn.
- (2) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán liên quan đến việc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang phải thu dài hạn khác, xem Thuyết minh 8(b) và Thuyết minh 13.

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc